

Bản án số: 151/2018/HS-PT
Ngày: 26 - 9- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng PH2

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan PH2

Ông Trần Khánh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Đinh Thị Thu H1 - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 97/2018/TLPT-HS ngày 22 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Hà Thị V do có kháng cáo của bị cáo V đối với bản án hình sự sơ thẩm số 177/2018/HS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị cáo có kháng cáo:

Hà Thị V, sinh ngày 13/9/1956. Nơi cư trú: Xóm LT, xã TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn K, con bà Nguyễn Thị T (đều đã chết); Chồng là Đặng Văn C (đã ly hôn), có ba con, lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt

- Luật sư bào chữa cho bị cáo do bị cáo mời

1. Ông Lê Quang N, Luật sư của Văn phòng Luật sư AT thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Ông Trần Trọng S, Trưởng Văn phòng luật sư HT thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

- Bị hại: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1963. Trú tại: xóm ĐC, xã Kh, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Lê Thị H1, sinh năm 1989, trú tại xóm ĐC, xã Kh, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.
2. Bà Hoàng Thị H2, sinh năm 1964, trú tại tổ 6, phường QT, thành phố TN. Vắng mặt.
3. Bà Đinh Thu H3, sinh năm 1979, trú tại tổ 7, phường QV, thành phố TN. Vắng mặt.
4. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1974, trú tại tổ 16, phường ĐQ, thành phố TN. Vắng mặt.
5. Ông Phan Đức K1, sinh năm 1945, trú tại tổ 11, phường T, thành phố TN. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, chị Lê Thị H1, sinh năm 1989, trú tại xóm ĐC, xã Kh, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên tốt nghiệp khoa Giáo dục mầm non trường Cao Đẳng sư phạm Thái Nguyên và đang có nhu cầu xin việc vào biên chế tại các trường mầm non trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Thông qua mối quan hệ trong xã hội bà Hoàng Thị H2, sinh năm 1963 (là mẹ đẻ của chị H1) đã nhờ ông Phan Đức K1, sinh năm 1945, trú tại tổ 11 phường T, thành phố TN lo xin việc giúp cho H1. Ông K1 nhận lời và hẹn mẹ con bà H2 chuẩn bị kinh phí rồi chuyển cho ông để lo việc.

Khoảng tháng 8/2015, mẹ con bà H2 đến nhà ông K1 để chuyển kinh phí cho ông K1. Tại đây, mẹ con bà H2 có gặp Hà Thị V (là người quen của ông K1 và ông K1 thông qua V để xin việc cho H1). Trong quá trình nói chuyện V biết được nguyện vọng của chị H1. Thời gian đó V đang nợ tiền nhiều người ngoài xã hội, không có khả năng trả nợ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà H2 thông qua hình thức nhận tiền để chạy biên chế cho con gái bà H2.

V lên mạng đọc báo thì biết được ở Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên có cô Hoàng Thị H2, sinh năm 1964, trú tại tổ 6 phường QV, thành phố TN là chuyên viên của Phòng. Dựa vào thông tin này, V đã nói dối chị H1 và bà H2: “Em có quen cô B giữ chức vụ Phó phòng Giáo dục và Đào tạo huyện ĐH chuyên đi chạy biên chế cho các cháu mới ra trường. Em chạy biên chế chỉ mất bảy mươi lăm triệu đồng, chị giao cho em số tiền trên em sẽ nhờ cô B chạy cho H1 đỗ biên chế dạy ở các trường mầm non trên địa bàn huyện ĐH. Sau 03 tháng kể từ khi giao tiền cho em chắc chắn H1 sẽ có quyết định tuyển biên chế”. Tin lời V nói nên bà H2 đã đến gặp ông K1 để lấy lại số tiền đã đưa, ông K1 đã trả lại toàn bộ cho bà H2.

Ngày 18/9/2015, tại nhà V ở xóm LT, xã TĐ, thành phố TN, bà H2 giao cho V số tiền 50.000.000đ. Ngày 19/9/2015, tại sân siêu thị Th thuộc phường T,

thành phố TN bà H2 tiếp tục giao cho V số tiền 25.000.000đ. Tổng số tiền bà H2 giao cho V là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) với mục đích để V chạy việc cho chị H1. Khi nhận tiền V viết hai giấy với nội dung vay tiền để làm tin (01 giấy ghi ngày 18/9/2015, V nhận vay của bà H2 50 triệu đồng trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 18/9/2015; 01 giấy vay tiền ghi ngày 19/9/2015, V nhận vay của bà H2 25 triệu đồng).

Sau khi nhận được tiền V sử dụng để trả nợ và tiêu xài hết, không dùng để lo chạy biên chế cho chị H1 như đã hứa. Đến cuối tháng 10/2015, H1 không có quyết định tuyển biên chế của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện ĐH thì bà H2g có đến gặp V thắc mắc, V tiếp tục nói dối đã giao tiền cho cô B để chạy biên chế. Sau đó, V bảo chị H1 cứ làm hồ sơ mang đến trường Mầm non ML thuộc huyện Đồng Hỷ để nộp và làm hợp đồng tại đó một thời gian, chờ quyết định chính thức. V còn bảo chị H1 khi mang hồ sơ đến nộp thì nói với Hiệu trưởng nhà trường H1 là chỗ người nhà cô B để được nhận hồ sơ. Nhưng thực tế, việc chị H1 nộp hồ sơ và được nhận vào dạy hợp đồng tại trường Mầm non Minh lập 2 là do H1 đủ điều kiện nên được Hiệu trưởng nhà trường nhận chứ không phải do bất kỳ tác động của người nào.

Đến cuối tháng 6/2016, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đồng Hỷ tổ chức đợt thi tuyển biên chế cho giáo viên thì V lại bảo H1 cứ nộp hồ sơ và thi bình thường, V sẽ lo lót để chị H1 được đỗ vào biên chế. Tin lời V nên chị H1 lại làm 01 bộ hồ sơ nộp tại Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Đồng Hỷ để dự thi.

Để củng cố thêm lòng tin cho mẹ con bà H2, V đã dùng thủ đoạn nhờ chị Nguyễn Thị H4 sinh năm 1974, trú tại tổ 16, phường Đồng Quang thành phố Thái Nguyên giả danh là cô B nói chuyện qua điện thoại với bà H2 rồi bảo chị H1 đợi đợt thi tuyển lần sau sẽ đỗ. Đến khi có kết quả thi thì chị H1 vẫn không đỗ. Lúc này mẹ con bà H2 nghi ngờ về sự hứa hẹn của V nên đi tìm hiểu thì được biết ở Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đồng Hỷ có người tên là B nhưng không phải giữ chức vụ Phó phòng. Chị H1 đã xin số điện thoại của người tên là B này để gọi, hỏi sự việc thì được chị Hoàng Thị H2, sinh năm 1964, trú tại tổ 6 phường QV, thành phố TN cho biết không quen biết ai tên là V và không hề có sự việc như V đã nói. Lúc này mẹ con bà H2 mới biết bị V lừa đảo chiếm đoạt tiền nên nhiều lần gọi điện đòi tiền. V hứa hẹn trả rồi trốn tránh nhiều lần. Đến nay V đã trả lại cho bà H2 số tiền 9.000.000đ, số còn lại là 66.000.000đ bị cáo cố tình trốn tránh không trả lại cho bà H2. Ngày 19/9/2017 bà H2 viết đơn trình báo đến Công an thành phố Thái Nguyên đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 177 ngày 14/5/2018 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định: Căn cứ vào điểm e, khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999, điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS năm 2015 Tuyên bố: Bị cáo Hà Thị V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt: Hà

Thị V 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm bồi thường dân sự, buộc bị cáo chịu án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/5/2018 bị cáo Hà Thị V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, phần kết luận vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi phân tích tính chất vụ án cho rằng: Việc Điều tra, truy tố, xét xử và áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Hà Thị V 30 tháng tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm lúc đầu bị cáo chưa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nhưng sau khi được Hội đồng xét xử phân tích bị cáo đã thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bố đẻ là thương binh, bản thân bị cáo được tặng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 177 ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, giảm mức hình phạt cho bị cáo.

Hai luật sư bào chữa cho bị cáo V: Đồng tình quan điểm của Viện kiểm sát tại tòa, tại cấp sơ thẩm bị cáo không nhận tội kêu oan, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn nhận tội, bị cáo có bố đẻ là thương binh, bị cáo được tặng thưởng huy chương vì sự nghiệp giáo dục, bị cáo đã khắc phục hậu quả đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s,v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận, thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Hà Thị V làm trong hạn luật định được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng, không oan. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được trong quá

trình điều tra vụ án như: Lời khai của người làm chứng, lời khai của bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Hà Thị V đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách đưa ra thông tin với chị H1 và bà H2 là V có quen cô B giữ chức vụ Phó phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đồng Hỷ chuyên đi chạy biên chế cho các cháu mới ra trường, V sẽ nhờ nhờ cô B chạy cho H1 đỗ biên chế dạy ở các trường mầm non trên địa bàn huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên để bị cáo chiếm đoạt số tiền 75.000.000đ của bà Hoàng Thị H2 rồi chi tiêu cá nhân hết.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, không oan.

Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và xử phạt bị cáo mức án 30 tháng tù là có căn cứ. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm bị cáo kêu oan không thanh khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Nhưng sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã kháng cáo xin nhận tội và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn nhận rõ hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải. Bị cáo đã cung cấp thêm chứng nhận bố đẻ của bị cáo là thương binh, năm 2003 bị cáo được tặng huy chương vì sự nghiệp giáo dục, đó là những tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh tại cấp phúc thẩm do vậy bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 và chấp nhận kháng cáo của bị cáo cũng như chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên và luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa. Sửa bản án hình sự sơ thẩm, giảm cho bị cáo một phần hình phạt nhằm động viên bị cáo cải tạo tốt sớm trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Thị V, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 177/2018/HS-ST ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Tuyên bố: Bị cáo Hà Thị V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Điểm b, s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: Bị cáo Hà Thị V 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành bản án này.

2. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí. Bị cáo Hà Thị V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN, Sở TP;
- TAND, VKSND TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- THADS TP Thái Nguyên;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng PH2

